

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV 3 – CT
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/DS-ST.

Ngày: 23/03/2026.

Về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 3 - CT

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim X.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết M.**

Ông **Nguyễn Văn S.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Hoàng Minh P** – Thư ký Tòa án nhân dân KV 3 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh K** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân KV 3 – CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 810/2025/TLST- DS, ngày 27 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).

Trụ sở: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến N, Quận 1, thành phố HCM (nay là phường Sài G, thành phố HCM).

Người đại diện pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2026 của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm: 1990. Địa chỉ liên hệ: Số 19 -21 đường Trần Văn K, phường Cái K, thành phố CT. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà **Phạm Gia T**, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

CCCD: 341835085, cấp ngày 09/02/2012.

Địa chỉ thường trú: Số 139A, khu vực Yên Hạ A, phường CR, thành phố CT.

Địa chỉ liên hệ: Ấp 3, xã Tháp M, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/05/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Giữa nguyên đơn với bị đơn có ký kết các hợp đồng sau đây:

- Ngày 28/10/2021 bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 9564927.21 để vay số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Mục đích vay là để bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất số 1270, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại đường Huỳnh Thị N, khu vực Yên H, phường Thường T, quận Cái R, thành phố CT. Thời hạn vay 360 tháng (từ ngày 28/10/2021 đến ngày 28/10/2051), lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm, trả nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng và kỳ trả đầu tiên được tính từ ngày 10/12/2021, số tiền trả mỗi kỳ là 5.555.000 đồng (Năm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng), số tiền lại trả vào cuối kỳ. Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Để đảm bảo cho việc vay tiền, bị đơn có thể chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1270, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại đường Huỳnh Thị N, khu vực Yên H, phường Thường T, quận Cái R, thành phố CT (nay là phường Cái R, thành phố CT) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08638 cấp ngày 28/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Y được chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Gia T vào ngày 26/10/2021 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2799861.21.636 ngày 28/10/2021.

- Ngày 18/01/2023 bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 2095347.23 để vay số tiền 690.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu đồng). Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô con, mới 100%, tiêu dùng, nhãn hiệu KIA, biển số 65A-368.24, theo hợp đồng mua bán số 005/2023/HĐMB-KIA/THCT-PGT ngày 12/01/2023 ký giữa bị đơn và Công Ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải CT. Thời hạn vay 96 tháng (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 18/01/2031), lãi suất tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ 18/01/2023 được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm, trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng và kỳ trả đầu tiên tính từ ngày 25/02/2023 với số tiền là 7.190.000 đồng (Bảy triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng), số nợ còn lại trả hết vào cuối kỳ. Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Đồng thời, bị đơn có thể chấp tài sản là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 65A – 368.24, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 65 016461 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố CT cấp ngày 16/01/2023.

- Ngày 05/09/2020 bị đơn có ký Đề nghị phát hành thẻ với số tài khoản thẻ C000000000348297 và hạn mức là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Lãi suất và phí theo bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của VIB.

Quá trình trả nợ, bị đơn đã thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 1.387.388.094 đồng (trong đó: Trả nợ gốc 396.495.000 đồng và trả tiền lãi là 990.893.094 đồng). Từ ngày 07/05/2025 đến nay bị đơn đã không còn trả bất kỳ khoản tiền nào nữa. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/02/2026 là: 2.869.922.753 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.293.505.000 đồng;
- Nợ lãi: 124.094.145 đồng;
- Lãi quá hạn: 213.155.355 đồng;
- Nợ thẻ tín dụng: 239.168.254 đồng.

- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 03/02/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không hết số nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là các tài sản nêu bên trên mà bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn.

Ngoài ra, nếu sau khi đã phát mãi tài sản của bị đơn mà vẫn chưa thu hồi hết nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

* Bị đơn Phạm Gia T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để được xem xét và giải quyết.

Do hòa giải không được nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến 23/03/2026 là 2.962.919.838 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng). Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ tính tiếp từ ngày 24/03/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

* Bị đơn bà Phạm Gia T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật mà vẫn vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thì đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV 3 – CT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện do bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/03/2026 là 2.962.919.838 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.293.505.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Tiền lãi trong hạn: 124.094.145 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng).

- Tiền lãi quá hạn: 296.898.935 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng).

- Nợ thẻ tín dụng: 248.421.858 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), trong đó:

- + Nợ gốc 154.965.961 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng)

- + Tiền lãi là: 93.455.897 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

[3.2] Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 24/03/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

[3.3] Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là các tài sản sau:

- + Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có tổng diện tích 108,6m² (đất ODT), thửa 1270, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại đường Huỳnh Thị Nở, khu vực Yên H, phường Thường T, quận Cái R, thành phố CT (nay là phường Cái R, thành phố CT) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08638 cấp ngày 28/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Y được chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Gia T vào ngày 26/10/2021 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2799861.21.636 ngày 28/10/2021.

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 65A – 368.24, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 65 016461 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố CT cấp ngày 16/01/2023 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6240295.23 ngày 18/01/2023.

[3.4] Ngoài ra, nếu đã phát mãi tài sản của bị đơn mà vẫn chưa thu hồi hết nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt là cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã tự nguyện ký kết. Do bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình để được Hội đồng xét xử xem xét nên căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp, sau khi đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 - Cần Thơ điều chỉnh.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 2.962.919.838 đồng nên bị đơn phải nộp án phí là 91.258.396 đồng (Chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự KV 3 - CT.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) được nhận lại 41.216.000 đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000234 ngày 15/07/2025 tại Phòng thi hành án dân sự KV 10 – ĐT.

[6] *Về chi phí thẩm định tài sản (chi phí tố tụng):* Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chi phí tố tụng với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng do người yêu cầu chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên nguyên đơn phải chịu chi phí đăng tin với tổng số tiền là 4.308.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm lẻ tám nghìn đồng). Nguyên đơn đã thực hiện xong nên không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.
- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*
2. *Về nợ:* Bị đơn bà Phạm Gia T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/03/2026 là 2.962.919.838 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng). Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 24/03/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.
3. Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Phòng thi hành án dân sự KV 3 - CT điều chỉnh.
4. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là các tài sản sau:
 - + Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có tổng diện tích 108,6m² (đất ODT), thửa 1270, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại đường Huỳnh Thị Nở, khu vực Yên H, phường Thường T, quận Cái R, thành phố CT (nay là phường Cái R, thành phố CT) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08638 cấp ngày 28/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Y được chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Gia T vào ngày 26/10/2021 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2799861.21.636 ngày 28/10/2021.
 - + 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 65A – 368.24, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 65 016461 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố CT cấp ngày 16/01/2023 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6240295.23 ngày 18/01/2023.
5. Ngoài ra, nếu đã phát mãi tài sản của bị đơn mà vẫn chưa thu hồi hết nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.
6. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn bà Phạm Gia T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 91.258.396 đồng (Chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự KV 3 - CT.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) được nhận lại 41.216.000 đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000234 ngày 15/07/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 – Đồng Tháp.

7. Về chi phí thẩm định tài sản (chi phí tố tụng):

Bị đơn bà Phạm Gia T phải chịu chi phí tố tụng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chi phí tố tụng với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

8. Về chi phí đăng tin (Chi phí tố tụng): Nguyên đơn phải chịu tổng số tiền là 4.308.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm lẻ tám nghìn đồng). Nguyên đơn đã thực hiện xong nên không ai phải nộp thêm.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND cùng cấp.
- Thi hành án cùng cấp.
- Người TGTT.
- Lưu.

Huỳnh Thị Kim Xuân